TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN D – TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27 - 7 - 2020
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIÊT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Ngọc Hà, ông Đào Duy Trâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện VKSND huyện D, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2020 tại TAND huyện D, tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 12/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2020, về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Giang N; sinh năm 1995.
Địa chỉ: Số nhà N, Xóm B, Thôn H, xã T, huyện D, tỉnh L. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Xuân L; sinh năm 1993.
Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện D, tỉnh L. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị Lê Thị Giang N có nội dung:

Chị N và anh Phạm Xuân L tổ chức lễ cưới và chung sống cùng gia đình anh L ở thôn L, xã T, huyện D, tỉnh L từ ngày 28/11/2014, đến ngày 05 tháng 02 năm 2015 hai người tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã T. Quá trình chung sống có một con chung tên là Phạm Xuân P, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2015. Do vợ chồng bất đồng với nhau về nhiều vấn đề và không giải quyết được nên P sinh mâu thuẫn trầm trọng. Vì vậy, chị đưa con về sống cùng cha mẹ đẻ tại Thôn H, xã T, huyện D, tỉnh L từ tháng 6 năm 2017. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tự nguyện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh L, yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Quá trình tố tụng, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn anh Phạm Xuân L đều vắng mặt nên không có lời khai.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị N được ly hôn với anh L, giao cho chị N nuôi dưỡng cháu Phạm Xuân P và anh L không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên Tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh Phạm Xuân L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng pháp luật.

[2] Chị Lê Thị Giang N và anh Phạm Xuân L tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06, ngày 05 tháng 02 năm 2015. Do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên đã ly thân từ năm 2017, cuộc sống của ai người ấy tự lo và không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tự nguyện xin ly hôn. Về phía anh L đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập, thông báo hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải đoàn tụ, tham gia phiên tòa, nhưng anh L không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình và đều vắng mặt không có lý do. Việc anh L không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án thể hiện anh L cũng không mong muốn vợ chồng về đoàn tụ chung sống; hôn nhân giữa chị N và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục

đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị N và anh L ly hôn là phù hợp.

[3] Chị N và anh L có một con chung là cháu Phạm Xuân P, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2015 hiện nay chị N đang nuôi dưỡng. Xét thấy việc chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn, tự nguyện không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận. Về tài sản chung đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 144, 147, 235, 273 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Lê Thị Giang N được ly hôn với anh Phạm Xuân L.

Giao cho chị Lê Thị Giang N trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Phạm Xuân P, sinh ngày 28 tháng 5 năm 2015. Anh Phạm Xuân L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm nom con, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con của các đương sự thực hiện theo qui định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Lê Thị Giang N phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2016/0014613 ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D (đã nộp đủ).

3. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận

thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm đồng;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã Tân Nghĩa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Sỹ